

Số: 10/2024/QĐST-HNGĐ

Bình Sơn, ngày 24 tháng 10 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự sơ thẩm thụ lý số: 18/2024/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Phạm Thị T, sinh năm 1993; căn cước công dân số 051193013018, do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 16/11/2021; nơi cư trú: Xóm X, thôn X, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Anh Mai Anh T1, sinh năm 1999; số định danh cá nhân: 051099009167; nơi cư trú: Xóm A, thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Mai Anh T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi theo giấy chứng nhận kết hôn số 26/2021, ngày 17/5/2021. Quá trình chung sống, giữa chị T và anh T1 xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không

còn sống chung, hôn nhân không có hạnh phúc nên anh chị thống nhất ly hôn và cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy việc chị T và anh T1 cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với tình trạng hôn nhân thực tế và quy định của pháp luật nên được Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh, chị.

[2] Về con chung: Chị T và anh T1 xác định giữa anh chị có một con chung tên là Mai Anh Q, sinh ngày 11/11/2021, hiện chị T đang chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh chị thỏa thuận giao con chung cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Xét thấy thỏa thuận về việc nuôi con giữa chị T và anh T1 là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Tòa án công nhận.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T và anh T1 thỏa thuận không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh T1 xác định giữa anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết.

Đã hết thời hạn 7 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Mai Anh T1 thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 26/2021, ngày 17/5/2021 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi cấp cho chị Phạm Thị T và anh Mai Anh T1 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Tòa án ban hành quyết định này (ngày 24/10/2024).

1.2. Về con chung: Giao cháu Mai Anh Q, sinh ngày 11/11/2021 cho chị Phạm Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm

nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các quy định khác của pháp luật.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Phạm Thị T và anh Mai Anh T1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền anh, chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003238 ngày 16/10/2024 của Chi cục Thi hành án huyện Bình Sơn.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã Bình Thanh;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đoàn Kiều Trung